

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 13/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lã Hùng Cường**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phan Văn Vinh**.

- Ông **Nguyễn Văn Trình**.

Thư ký Tòa án nhân dân huyện B: Bà **Nguyễn Thị Hải PH**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B - tp Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Bà **Đào Thanh Huyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B. Toà án nhân dân huyện B đưa ra xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/HSST ngày 24/02/2020 đối với bị cáo :

1. Phùng Văn Kh, sinh năm: 1974, tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Thành, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú tại Thôn Phú Mỹ A, xã S, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Phùng Văn Đ, sinh năm 1945; Con bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1947; vợ: Chu Thị X, sinh năm 1974; Con có 01 con: Phùng Văn Ngọc K, sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội từ ngày 17/12/2019 cho đến nay(Số giam 214 V1/8). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Dương Minh Khôi.

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 87, Yên Duyên, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Người bị hại: Chị Phùng Thị Thu H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Phú Mỹ A, xã S, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông Phùng Văn Ph, sinh năm: 1963; Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1970.

Đều trú tại Thôn Phú Mỹ A, xã S, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Phan Hoàn S - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 10, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Ông Phùng Văn Ph có con gái là Phùng Thị Thu H. Chị H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi từ nhỏ được hưởng chế độ bảo trợ xã hội của Nhà nước, hiện chị sống với gia đình ông Ph. Vào buổi sáng một ngày cuối năm 2018 (chị H không nhớ rõ ngày tháng), gia đình ông Ph đi vắng, chỉ có mình chị H ở nhà nên chị H đi vào trang trại gà của gia đình ở thôn Phú Mỹ A, xã S để cho gà ăn. Lúc này, Phùng Văn Kh đến trại gà của gia đình chị H chơi. Do thường xuyên mua cám của gia đình ông Ph và hay đến nhà ông Ph chơi nên Kh biết chị H bị bệnh thần kinh, nhận thức kém. Thấy gia đình ông Ph không có ai ở nhà, Kh đứng nói chuyện với chị H một lúc thì tiến đến nắm tay chị H và kéo vào phía trong nhà kho của trại gà. Sau đó, Kh vật chị H nằm ngửa ra bên trên tải châu, giữ chặt chị H và nằm đè lên trên. Kh cởi quần của chị H và cởi quần của mình thì chị H giãy giụa, đạp chân nhưng bị Kh đè lên, không thoát được. Kh cho dương vật vào trong âm đạo của chị H và thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi thực hiện xong, Kh và chị H tự mặc quần áo sau đó Kh đi về. Do sợ hãi nên chị H không kể chuyện với ai. Đến đầu tháng 4/2019, do thấy chị H có biểu hiện lạ nên gia đình cho đi khám thì phát hiện chị H có thai nên hỏi chuyện thì chị H đã kể lại toàn bộ sự việc. Ngày 08/08/2019, chị H sinh cháu Phùng Đăng M. Vì vậy, gia đình chị H đã có đơn tố giác hành vi của Kh. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, mặc dù đã được

nhận kết luận giám định ADN song Kh vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận giám định ADN số 08 ngày 30/08/2019 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận: *“Phùng Văn Kh có huyết thống bố - con với Phùng Đăng M, độ tin cậy 99,9999%”*

Bản Kết luận pháp y tâm thần số 426/KL-GĐ, ngày 15/11/2019 của Viện Pháp y tâm thần trung ương kết luận: *“trước, trong khoảng thời gian bị người khác thực hiện hành vi hiếp dâm và tại thời điểm giám định bị hại Phùng Thị Thu H bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70 ; Tại các thời điểm trên Phùng Thị Thu H hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*

Về dân sự: Người đại diện hợp pháp cho chị H yêu cầu bị cáo Kh bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị H và yêu cầu cấp dưỡng cho cháu M một lần với tổng số tiền là **457.262.000đ** (Bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền thuê xe và khám thai kiểm tra xem có bị nhiễm HIV không là 2.000.000,đ; Tiền khám thai 04 tháng x120.000,đ là 480.000,đ; Viện phí sinh con là 500.000,đ; Tiền mất ngày công lao động 01 người chăm sóc khi chị H sinh 04 ngày x 200.000,đ là 800.000,đ; Tiền thuê xe đi, về khi xét nghiệm AND là 2.000.000,đ; Tiền thuê xe đi và về giám định tâm thần 3.000.000,đ; Tiền cấp dưỡng 01 lần cho cháu M từ khi sinh đến năm 18 tuổi (Tính mỗi tháng là 2.000.000,đ).

Tại bản cáo trạng số: 11/CT- VKSBV ngày 20 tháng 02 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử bị cáo Phùng Văn Kh về tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại Điểm g Khoản 2, Điều 141 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung như cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phùng Văn Kh phạm tội “*Hiếp dâm*”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm g Khoản 2, Điều 141; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn Kh từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Phùng Văn Kh phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị H là 15 triệu đồng; Các khoản khác như kiểm tra máu có HIV không, khám thai, mất thu nhập người đi chăm sóc, xét nghiệm AND; giám định tâm thần cho chị H tổng số tiền là 8.780.000,đ và cấp dưỡng cho cháu M từ khi sinh đến xét xử 10 tháng là 15.000,000,đ; Tổng là: 38.780.000,đ; Buộc bị cáo Kh cấp dưỡng cho cháu M sau khi xét xử đến khi cháu M 18 tuổi với mức 1.500,000,đ / 01 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phùng Văn Kh không nhận hành vi phạm tội, bị cáo trình bày từ khi cơ quan điều tra hỏi bị cáo về hành vi hiếp dâm đối với chị Phùng Thị Thu H cho đến nay, bị cáo chưa lúc nào là nhận tội có hành vi hiếp dâm giao cấu với chị H; Bị cáo thừa nhận có mối quan hệ thân quen với gia đình chị H, thường xuyên mua cám thức ăn chăn nuôi, cũng biết chị H là con gái ông Ph, bà N chưa có chồng, không biết là chị H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Trước khi có bản Kết luận giám định ADN số: 08 ngày 30/08/2019 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận, bị cáo Kh và cháu Phùng Đăng M là con đẻ của chị Phùng Thị Thu H bị cáo Kh khẳng định được lấy mẫu của hai người; Tại phiên tòa bị cáo Kh cũng như luật sư Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo Kh xin được hoãn phiên tòa và giám định lại, nhưng không đưa ra căn cứ lý do gì mà yêu cầu giám định lại mẫu ADN của cháu Phùng Đăng M; Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử và khẳng định bản Kết luận giám định ADN số: 08 ngày 30/08/2019 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận, là căn cứ để tiếp tục xét xử bị cáo Kh; HĐXX đã tiến hành tạm dừng phiên tòa và thảo luận tại chỗ, khẳng định không có căn cứ nào hoãn phiên tòa để đi giám định lại. Trong thời gian xét hỏi tại Tòa án, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh hỏi bị cáo thì bị cáo Kh ngắt ngụt thời gian dài, sau trả lời bị cáo không nhận tội, không bồi thường dân sự .

Mặc dù bị cáo Kh không nhận tội nhưng các lời Khi của chị H (tại BL 136... 140) đều khẳng định: Bị cáo Kh đã vật chị H nằm ngửa ra bên trên tải chấu, giữ chặt chị H và nằm đè lên trên. Bị cáo Kh cởi quần của chị H và cởi quần của mình

thì chị H giãy giụa, đạp chân nhưng bị Kh đè lên, không thoát được. Kh cho dương vật vào trong âm đạo của chị H và thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi thực hiện xong, Kh và chị H tự mặc quần áo sau đó Kh đi về; Sau này có thai chị H không biết bố mẹ chị phát hiện cho đi khám mới biết có thai và chị H khẳng định do bị cáo Kh cưỡng hiếp H, khi sinh con bố mẹ chị H đặt tên con là Phùng Đăng M. Đối với chị H bị hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi; Tại bản kết luận pháp y tâm thần số 426/KL-GĐ, ngày 15/11/2019 của Viện Pháp y tâm thần trung ương số 426/KL-GĐ, ngày 15/11/2019 kết luận: *“trước, trong khoảng thời gian bị người khác thực hiện hành vi hiếp dâm và tại thời điểm giám định bị hại Phùng Thị Thu H bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70; Tại các thời điểm trên Phùng Thị Thu H hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*

Do vậy đủ căn cứ khẳng định bị cáo Phùng Văn Kh phạm tội: *“Hiếp dâm”* theo Điểm g Khoản 2 Điều 141 - BLHS năm 2015 đúng với nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng với pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Phùng Văn Kh là nguy hiểm cho xã hội, gây tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt hành vi của bị cáo đã ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa pH. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp quan hệ tình dục với người chậm phát triển tâm thần nhẹ nhằm thỏa mãn dục vọng của bản thân dẫn đến hậu quả làm nạn nhân có thai. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Kh chối tội và không thừa nhận hành vi của mình. Khi gia đình bị hại yêu cầu bồi thường và cấp dưỡng thì bị cáo không đồng ý. Từ tình tiết trên thì bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho người bị hại và người bảo vệ quyền lợi ích cho người bị hại đều yêu cầu Kh bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị H và yêu cầu cấp dưỡng cho cháu M một lần với tổng số tiền là: 457.262.000đ (*Bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

HĐXX xác định việc người đại diện hợp pháp cho người bị hại và người bảo vệ quyền lợi ích cho người bị hại đều yêu cầu bị cáo Kh cho chị H và cấp dưỡng cho cháu M là quyền lợi chính đáng, nhưng trên cơ sở pháp luật cho phù hợp; Về phần bồi thường danh dự nhân phẩm cho chị H cần áp dụng Điểm c mục 3.2 Nghị

quyết 03/2006, ngày 08/7/2006 của HĐPTANDTC; Áp dụng Điều 592 BLDS Buộc bị cáo Kh phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị H số tiền là: 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng chẵn*).

Các khoản khác có căn cứ: Kiểm tra xét nghiệm máu có HIV không, khám thai, mất thu nhập người đi chăm sóc 04 ngày, xét nghiệm AND; giám định tâm thần cho chị H tổng số tiền là 8.780.000,đ (*Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Về phân trợ cấp nuôi con chung: Áp dụng Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc bị cáo Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với bị cáo Kh không nhận tội, không tự nguyện bồi thường, đồng thời chị Phùng Thị Thu H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, lao động để nuôi con nhỏ là việc rất khó khăn có sự giúp đỡ của người thân trong gia đình. Nên HĐXX buộc bị cáo Kh phải trợ cấp nuôi dưỡng con chung cho cháu Phùng Đăng M một lần; Mỗi năm là 15.000.000,đ từ khi cháu M sinh ra đến khi đủ 18 tuổi (15.000.000,đ x 18 năm) = 270.000.000,đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Kh phải bồi thường và cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phùng Thị Thu H số tiền là : 293.780.000,00,đ (*Hai trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

[8] Về án phí: Bị cáo Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch và án phí trợ cấp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Phùng Văn Kh** phạm tội “*Hiếp dâm*”.

1/ Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 141; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Văn Kh 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 17/12/2019.

2/Áp dụng: Điều 584, 585, 592 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3 /Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phùng Văn Kh phải bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm cho bị hại chị Phùng Thị Thu H số tiền: 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng chẵn*). Các khoản khác có căn cứ: Kiểm tra xét nghiệm máu có HIV không, khám thai, mất thu nhập người đi chăm sóc 04 ngày, xét nghiệm AND; giám định tâm thần cho chị H tổng số tiền là 8.780.000,đ (*Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*); Trợ cấp nuôi dưỡng con chung cho cháu Phùng Đăng M một lần từ khi cháu M sinh ra đến khi đủ 18 tuổi là : 270.000.000,đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Kh phải bồi thường và cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phùng Thị Thu H số tiền là: 293.780.000,00,đ (*Hai trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Do ông Phùng Văn Ph là người đại diện hợp pháp cho chị H nhận thay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không trả được số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23; khoản 3, Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phùng Văn Kh phải nộp: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phùng Văn Kh phải nộp: 1.189.000,đ (*Một triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự trong hình sự và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Bị cáo Phùng Văn Kh, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người bị hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THA huyện B;
- Những người tham gia tố tụng.

Lã Hùng Cường

